

Số: 46/TB-NCT

Quận 12, ngày 04. tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	45	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	13	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	0,93	
8	Bình quân học sinh/lớp	33,12	
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	18460	13,27
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	8027,75	5,77
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	3037,5	2,18
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	96	2,74
3	Diện tích thư viện (m ²)	202,7	5,79
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	504	14,4
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	80	2,86
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	12	0,29
1.1	Khối lớp 6	3	0,25

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1.2	Khối lớp 7	3	0,23
1.3	Khối lớp 8	3	0,33
1.4	Khối lớp 9	3	0,38
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		-
4			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	3	0,07
2	Cát xét	5	0,12
3	Máy chiếu	4	0,10

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	34	0,81
2	Cát xét	5	0,12
3	Máy chiếu	21	0,5
4	Màn hình tương tác	32	0,76

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1 (100 m ²)
XI	Nhà ăn	1 (150 m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh
------------	--------------------	--------------------	-------------------	-----------------------------

			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		12/12		0,07
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Quận 12, ngày 04 tháng 09 năm 2024



Lại Thị Bạch Hương

